



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ**

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán	6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	14 - 33
8. Phụ lục	34 - 37

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần viễn thông tin học điện tử là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp khoa học sản xuất thiết bị thông tin II theo Quyết định số 470/QĐ-TCBĐ ngày 07 tháng 6 năm 2002 của Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện (nay là Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302826473 (số cũ 4103001330) ngày 02 tháng 12 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh từ lần 02 đến lần 06 về việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 30.000.000.000 VND

Trong đó:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty bưu chính viễn thông Việt Nam	10.150.000.000	33,88
Công ty cổ phần bảo hiểm bưu điện	2.900.000.000	9,67
Các cổ đông khác	16.950.000.000	56,55
Công	30.000.000.000	100,00

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết ở Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 29 tháng 12 năm 2010 với mã chứng khoán là KST.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-8) 38 655 343

Fax : (84-8) 38 652 487

Mã số thuế : 0302826473

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh công ty cổ phần viễn thông tin học điện tử tại Hà Nội	104 phố Hoàng Văn Thái, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Chi nhánh công ty cổ phần viễn thông tin học điện tử tại Đà Nẵng	23 Duy Tân, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Văn phòng đại diện công ty cổ phần viễn thông tin học điện tử	8 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sửa chữa máy tính và thiết bị ngoại vi: lắp đặt, bảo trì, sửa chữa hệ thống viễn thông, mạng máy tính (trừ tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở), xây lắp, bảo trì, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các thiết bị viễn thông, tin học và điện tử;
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu: dịch vụ thông tin qua điện thoại;

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Hoạt động viễn thông khác: đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông; cung cấp thông tin lên mạng internet; dịch vụ cung cấp giá trị gia tăng trên mạng viễn thông – mạng internet; đại lý truy cập, xử lý, trao đổi dữ liệu và thông tin lên mạng internet (không kinh doanh cung cấp dịch vụ internet, trò chơi điện tử tại trụ sở); dịch vụ viễn thông, tin học công cộng trong nước và quốc tế; cung cấp dịch vụ truy cập internet (ISP), cung cấp dịch vụ ứng dụng internet trong viễn thông (OSP);
- Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi;
- Xây dựng nhà các loại: sửa chữa nhà;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và các xe có động cơ khác;
- Quảng cáo;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Xây dựng thiết bị kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng ;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Bán mô tô, xe máy;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Bán phụ tùng cà các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Doanh thu và lợi nhuận năm nay giảm đi đáng kể so với năm trước chủ yếu là do số lượng công trình thực hiện giảm.

L.D.410
C
TRÁCH
KIẾ
TI
V/V/TB

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 33).

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 10 tháng 5 năm 2011 như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
- Trích quỹ dự phòng tài chính	391.147.687
- Trích quỹ đầu tư phát triển	1.307.406.046
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.450.000.000
- Thủ lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	480.000.000
- Chia cổ tức (14%)	4.194.400.000

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Lương Ngọc Hương	Chủ tịch	28 tháng 7 năm 2006	-
Ông Phan Văn Nghĩa	Phó Chủ tịch	28 tháng 7 năm 2006	10 tháng 5 năm 2011
Ông Đỗ Quang Khánh	Phó Chủ tịch	10 tháng 5 năm 2011	-
Ông Lê Minh Trí	Ủy viên	28 tháng 7 năm 2006	-
Ông Võ Hồng Lạc	Ủy viên	28 tháng 7 năm 2006	10 tháng 5 năm 2011
Ông Phạm Anh Tuấn	Ủy viên	07 tháng 5 năm 2008	10 tháng 5 năm 2011
Ông Lê Phước Hiền	Ủy viên	10 tháng 5 năm 2011	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Mai	Ủy viên	10 tháng 5 năm 2011	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Hoàng Thị Thanh Trúc	Trưởng ban	28 tháng 7 năm 2006	10 tháng 5 năm 2011
Bà Nguyễn Thị Thu Nga	Trưởng ban	10 tháng 5 năm 2011	-
Ông Trần Minh Dũng	Thành viên	28 tháng 7 năm 2006	10 tháng 5 năm 2011
Bà Nguyễn Thị Kim Hoa	Thành viên	28 tháng 7 năm 2006	10 tháng 5 năm 2011
Bà Trần Thị Ngọc Duyên	Thành viên	10 tháng 5 năm 2011	-
Ông Hứa Văn Cường	Thành viên	10 tháng 5 năm 2011	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Lương Ngọc Hương	Tổng Giám đốc	28 tháng 7 năm 2006	-
Ông Phan Văn Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	28 tháng 7 năm 2006	-
Ông Lê Minh Trí	Phó Tổng Giám đốc	28 tháng 7 năm 2006	-
Ông Vũ Trọng Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	26 tháng 8 năm 2008	-

0474
NG T
HIỆM HỮ
TOÁN
VĂN

HỘ C

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phán ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần viễn thông tin học điện tử tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Lương Ngọc Hương
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2012



Số: 0349/2012/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP NĂM 2011 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2011 của Công ty cổ phần viễn thông tin học điện tử gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 02 tháng 3 năm 2012, từ trang 07 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính tổng hợp; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần viễn thông tin học điện tử tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đổi chiếu.

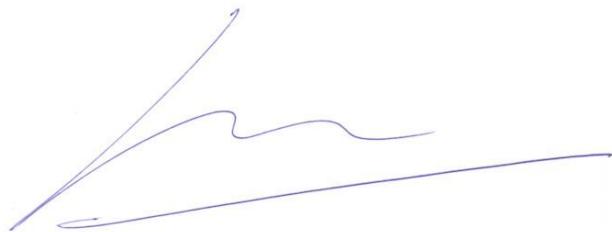
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2012

Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0197/KTV



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		70.452.186.221	88.202.356.942
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	5.573.474.204	3.775.810.026
1. Tiền	111		5.573.474.204	3.375.810.026
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	400.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		48.136.663.746	60.890.517.339
1. Phải thu của khách hàng	131	V.2	45.255.579.939	56.542.117.151
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	210.648.544	1.393.625.850
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.4	2.670.435.263	2.954.774.338
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		12.606.197.624	17.356.782.329
1. Hàng tồn kho	141	V.5	12.606.197.624	18.198.882.962
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.6	-	(842.100.633)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.135.850.647	6.179.247.248
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	190.999.841	104.758.400
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	425.705.994
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	3.944.850.806	5.648.782.854

1020
CÔNG
ÁCH NHI
KIỂM
TƯ
7/TP

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		13.741.587.015	11.591.516.406
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		5.667.456.914	6.417.498.866
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	5.363.572.580	6.391.633.093
<i>Nguyên giá</i>	222		45.019.852.214	43.619.080.661
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(39.656.279.634)	(37.227.447.568)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	263.884.334	25.865.773
<i>Nguyên giá</i>	228		319.365.959	36.365.959
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(55.481.625)	(10.500.186)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	40.000.000	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		4.800.000.000	4.334.727.200
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12	4.800.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	4.334.727.200
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.274.130.101	839.290.340
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	3.264.130.101	620.916.581
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	208.373.759
3. Tài sản dài hạn khác	268		10.000.000	10.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		84.193.773.236	99.793.873.348

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		32.103.438.388	43.157.967.648
I. Nợ ngắn hạn	310		32.036.992.338	43.084.671.648
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	5.611.577.457	9.111.886.982
2. Phải trả người bán	312	V.15	5.268.795.343	3.990.225.197
3. Người mua trả tiền trước	313		46.332.047	568.555.400
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	3.332.724.115	5.720.487.570
5. Phải trả người lao động	315	V.17	130.161.184	2.715.471.201
6. Chi phí phải trả	316	V.18	1.041.979.917	7.754.524.314
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	15.746.173.179	12.945.400.888
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	859.249.096	278.120.096
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	320		66.446.050	73.296.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	IV.12	66.446.050	73.296.000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		52.090.334.848	56.635.905.700
I. Vốn chủ sở hữu	410		52.090.334.848	56.635.905.700
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.21	29.960.100.000	29.960.100.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	9.980.050.000	9.980.050.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.21	8.674.266.808	7.366.860.762
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.21	1.877.859.889	1.486.712.202
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.21	19.229.003	19.229.003
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.21	1.578.829.148	7.822.953.733
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		84.193.773.236	99.793.873.348

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		1.591,54	38.255,12
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2012

Đoàn Thị Triệu Phước
Người lập biểuNguyễn Long
Kế toán trưởngLương Ngọc Hương
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	82.256.505.326	113.758.112.950
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	VI.1	179.351.311	344.883.496
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	82.077.154.015	113.413.229.454
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	58.584.026.894	79.236.116.773
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23.493.127.121	34.177.112.681
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.590.724.320	1.587.758.482
7. Chi phí tài chính Trong đó: chi phí lãi vay	22	VI.4	1.481.437.522	1.155.012.684
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	733.069.091	601.319.056
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	22.277.524.691	24.984.362.439
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		591.820.137	9.024.176.984
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.274.747.593	1.591.671.969
12. Chi phí khác	32		79.364.823	332.305.827
13. Lợi nhuận khác	40		1.195.382.770	1.259.366.142
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.787.202.907	10.283.543.126
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	-	2.063.628.459
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		208.373.759	396.960.934
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>1.578.829.148</u>	<u>7.822.953.733</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>-</u>	<u>-</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2012



Đoàn Thị Triệu Phước
Người lập biểu

Nguyễn Long
Kế toán trưởng

Lương Ngọc Hương
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LUU CHUYEN TIEN TE TONG HOP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.787.202.907	10.283.543.126
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9, V.10	2.644.950.081	3.019.489.338
- Các khoản dự phòng	03	V.6	(842.100.633)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(2.969.840)	(15.462.866)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(1.321.096.368)	(248.745.875)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	1.389.881.132	836.206.964
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3.655.867.279	13.875.030.687
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		15.938.634.595	(9.953.697.913)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.592.685.338	(61.588.151)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(7.761.974.422)	4.847.279.801
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.729.454.961)	615.203.100
- Tiền lãi vay đã trả	13	VI.4	(1.389.881.132)	(868.768.311)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.17	(158.000.000)	(1.592.350.652)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		569.791.740	1.809.951.154
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(2.408.568.040)	(3.631.505.194)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		11.309.100.397	5.039.554.521
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.10 V.11	(1.894.908.129)	(1.900.952.138)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.12	(465.272.800)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.4, VI.3	758.828.548	28.596.827
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(1.601.352.381)	(1.872.355.311)



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

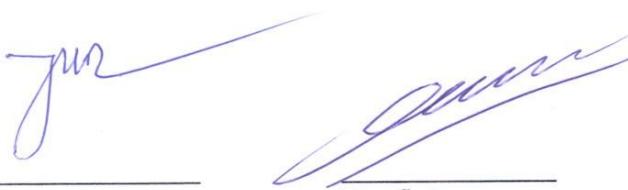
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.14	8.611.577.457	9.111.886.982
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.14	(12.111.886.982)	(10.937.611.420)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21	(4.409.774.313)	(2.544.307.167)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u><i>(7.910.083.838)</i></u>	<u><i>(4.370.031.605)</i></u>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>		<i>1.797.664.178</i>	<i>(1.202.832.395)</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	<i>V.1</i>	<i>3.775.810.026</i>	<i>4.976.904.673</i>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	1.737.748
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	<i>70</i>	<i>V.1</i>	<u><i>5.573.474.204</i></u>	<u><i>3.775.810.026</i></u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2012


Đoàn Thị Triệu Phước
Người lập biểu


Nguyễn Long
Kế toán trưởng



Lương Ngọc Hương
Tổng Giám đốc

4102
CÔ
TRÁCH
KIỂN
TÙ
V1TF

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại, dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất và lắp ráp các loại thiết bị viễn thông, điện tử, tin học và kinh doanh phần mềm tin học; Xây lắp, bảo trì, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các thiết bị viễn thông, tin học và điện tử; Chuyển giao công nghệ ngành viễn thông, tin học và điện tử; Kinh doanh vật tư, thiết bị và sản phẩm ngành viễn thông, tin học và điện tử; Dịch vụ viễn thông, tin học công cộng trong nước và quốc tế; Xác định tình trạng kỹ thuật thiết bị viễn thông, tin học và điện tử; Xây dựng các công trình viễn thông, tin học và điện tử.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 264 nhân viên đang làm việc.
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Doanh thu và lợi nhuận năm nay giảm đi đáng kể so với năm trước chủ yếu là do số lượng công trình thực hiện giảm.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	03 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 04
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 04

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa văn phòng, xe ô tô được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 02 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí thuê văn phòng

Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời gian thuê.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ mất việc làm là 02% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trả cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

15. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty 17%
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,... 5%
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động 1 tháng lương

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD
31/12/2011 : 20.828 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phúc hợp

Công cụ tài chính phúc hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phúc hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyền đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN
ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	403.380.935	847.255.742
Tiền gửi ngân hàng	5.170.093.269	2.528.554.284
Các khoản tương đương tiền (*)	-	400.000.000
Cộng	5.573.474.204	3.775.810.026

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khách hàng của Trụ sở chính tại TP. Hồ Chí Minh	33.388.844.189	40.622.262.926
Các khách hàng của Chi nhánh tại TP. Hà Nội	10.831.326.075	14.673.710.792
Các khách hàng của Chi nhánh tại TP. Đà Nẵng	1.035.409.675	1.246.143.433
Cộng	45.255.579.939	56.542.117.151

3. Trả trước cho người bán

Trả trước cho nhà cung cấp về hàng hoá, dịch vụ.

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hoá, vật tư ứng cứu	1.234.459.070	1.886.578.837
Úng trước thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	343.360.000	243.300.000
Bảo hiểm xã hội nộp thừa ở Trụ sở chính tại TP. Hồ Chí Minh	4.720.533	31.072.284
Cổ tức được chia	1.038.453.381	476.185.561
Thuế thu nhập cá nhân phải thu nhân viên	-	188.645.450
Các khoản phải thu khác	49.442.279	128.992.206
Cộng	2.670.435.263	2.954.774.338

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	7.588.201.377	7.347.378.379
Công cụ, dụng cụ	95.972.809	83.616.946
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.122.059.805	10.081.345.109
Thành phẩm	584.756.690	638.044.256
Hàng hóa	215.206.943	48.498.272
Cộng	12.606.197.624	18.198.882.962



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	842.100.633
Hoàn nhập dự phòng	(842.100.633)
Số cuối năm	-

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ.

8. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	120.350.662	308.306.942
Tạm ứng	2.273.354.199	3.870.575.912
Các khoản cầm cố, ký quỹ ngắn hạn (*)	1.551.145.945	1.469.900.000
Cộng	3.944.850.806	5.648.782.854

(*) Trong đó có khoản ký quỹ 800 triệu VND tại Công ty cổ phần tài chính Bưu điện để Công ty này cấp hạn mức bảo lãnh 8 tỷ VND.

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	8.271.336.000	26.833.102.965	5.265.621.095	2.790.048.111	458.972.490	43.619.080.661
Mua sắm mới	-	1.380.718.870	-	191.189.259	-	1.571.908.129
Giảm khác	-	(171.136.576)	-	-	-	(171.136.576)
Số cuối năm	8.271.336.000	28.042.685.259	5.265.621.095	2.981.237.370	458.972.490	45.019.852.214
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	8.271.336.000	20.750.768.563	2.366.819.317	1.094.308.916	402.677.120	32.885.909.916
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	8.271.336.000	23.000.024.686	3.605.023.748	1.918.343.948	432.719.186	37.227.447.568
Khấu hao trong năm	-	1.701.741.609	364.456.970	515.726.520	18.043.543	2.599.968.642
Giảm khác	-	(171.136.576)	-	-	-	(171.136.576)
Số cuối năm	8.271.336.000	24.530.629.719	3.969.480.718	2.434.070.468	450.762.729	39.656.279.634
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	-	3.833.078.279	1.660.597.347	871.704.163	26.253.304	6.391.633.093
Số cuối năm	-	3.512.055.540	1.296.140.377	547.166.902	8.209.761	5.363.572.580
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

K.D:410
CÓ
TRÁCH N
KIỂM
TÙ
TP

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	36.365.959	10.500.186	25.865.773
Tăng trong năm	283.000.000	44.981.439	
Số cuối năm	319.365.959	55.481.625	263.884.334

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí mua sắm tài sản cố định.

12. Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần dịch vụ trợ giúp thương mại Khang An.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008572 ngày 27 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần dịch vụ trợ giúp thương mại Khang An 3.200.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã đầu tư thêm 465.272.800 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 4.800.000.000 VND, tương đương 52,17% vốn thực góp.

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Chi phí sửa chữa	160.279.208	2.213.358.853	(333.164.254)	2.040.473.807
Công cụ, dụng cụ	302.135.288	1.517.576.017	(888.294.898)	931.416.407
Chi phí thuê văn phòng	153.000.000	612.000.000	(612.000.000)	153.000.000
Chi phí khác	<u>5.502.085</u>	<u>150.026.400</u>	<u>(16.288.598)</u>	<u>139.239.887</u>
Cộng	<u>620.916.581</u>	<u>4.492.961.270</u>	<u>(1.849.747.750)</u>	<u>3.264.130.101</u>

14. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(a)	5.611.577.457	8.661.886.982
Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Đô	-	450.000.000
Cộng	<u>5.611.577.457</u>	<u>9.111.886.982</u>

(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

Số đầu năm	9.111.886.982
Số tiền vay phát sinh	8.611.577.457
Số tiền vay đã trả	(12.111.886.982)
Số cuối năm	<u>5.611.577.457</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

15. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các nhà cung cấp cho Trụ sở chính tại TP. Hồ Chí Minh	3.764.621.658	1.743.387.272
Các nhà cung cấp cho Chi nhánh tại TP. Hà Nội	631.495.685	2.164.841.725
Các nhà cung cấp cho Chi nhánh tại TP. Đà Nẵng	872.678.000	81.996.200
Cộng	5.268.795.343	3.990.225.197

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	3.729.500.822	1.553.036.670	(3.927.235.756)	1.355.301.736
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu		9.147.133	(9.147.133)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.363.000	(1.363.000)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.821.703.381	-	(158.000.000)	1.663.703.381
Thuế thu nhập cá nhân	169.283.367	139.512.752	(295.077.121)	13.718.998
Tiền thuê đất	-	2.069.319.000	(1.769.319.000)	300.000.000
Các loại thuế khác	-	6.500.000	(6.500.000)	-
Cộng	5.720.487.570	3.778.878.555	(6.166.642.010)	3.332.724.115

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.787.202.907	10.283.543.126
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	8.605.596	35.000.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2.031.460.240)	(2.064.029.292)
Thu nhập chịu thuế	(235.651.737)	8.254.513.834
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	-	2.063.628.459
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Thông tư 154/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tài chính</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	-	2.063.628.459



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 19.364,30m² đất đang sử dụng tại số 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh với mức 21.000 VND/m²/năm. Diện tích và vị trí thuê đất được quy định tại Quyết định số 3253/QĐ-UB ngày 31 tháng 5 năm 2001 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh và Biên bản giao nhận số 308/2004/CV-BDA C30 ngày 06 tháng 10 năm 2004.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. Phải trả người lao động

Tiền lương và các khoản phụ cấp còn phải trả người lao động.

18. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo dưỡng, khảo sát lắp đặt	370.525.826	1.346.343.154
Chi phí công trình	671.454.091	6.335.583.938
Chi phí khác	-	72.597.222
Cộng	1.041.979.917	7.754.524.314

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	276.423.808	133.648.537
Kinh phí công đoàn	159.843.632	180.783.887
Cỗ tức phải trả	933.187.687	1.148.562.000
Phải trả Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam về thiết bị viễn thông	1.622.492.385	1.609.073.072
Phải trả chi phí các công trình	12.281.359.080	9.429.210.657
Phải trả Ban quản lý cụm công trình khu vực C30 tiền thuê đất, tiền khấu hao nhà cửa	-	376.346.500
Phải trả khác	472.866.587	67.776.235
Cộng	15.746.173.179	12.945.400.888

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	786.130.392	725.000.000	10.000.000	(374.864.000)	1.146.266.392
Quỹ phúc lợi	(508.010.296)	725.000.000	-	(504.007.000)	(287.017.296)
Cộng	278.120.096	1.450.000.000	10.000.000	(878.871.000)	859.249.096

21. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm trang 34.

Cỗ tức

Cỗ tức đã chi trả trong năm như sau:

Cỗ tức các năm trước	4.409.774.313
Tạm ứng cỗ tức năm nay	-
Cộng	4.409.774.313

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.996.010	2.996.010
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.996.010	2.996.010
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.996.010	2.996.010
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.996.010	2.996.010
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	82.256.505.326	113.758.112.950
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	6.152.643.700	14.768.713.386
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	117.397.700	685.633.190
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	75.986.463.926	98.303.766.374
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(179.351.311)	(344.883.496)
- <i>Giảm giá hàng bán</i>	(175.913.147)	(219.881.314)
- <i>Hàng bán bị trả lại</i>	(3.438.164)	(125.002.182)
Doanh thu thuần	82.077.154.015	113.413.229.454
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	6.152.643.700	14.768.713.386
- <i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	117.397.700	685.633.190
- <i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	75.807.112.615	97.958.882.878

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	4.420.084.743	12.998.532.736
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	47.036.818	517.185.196
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	54.959.005.966	65.720.398.841
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(842.100.633)	-
Cộng	58.584.026.894	79.236.116.773



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	134.706.601	35.930.160
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	99.180.027	84.114.950
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.186.389.767	476.185.561
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.969.840	15.462.866
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	167.478.085	976.064.945
Cộng	1.590.724.320	1.587.758.482

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.389.881.132	836.206.964
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	91.556.390	318.805.720
Cộng	1.481.437.522	1.155.012.684

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	440.455.374	369.890.018
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	7.427.022	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.509.245	22.640.355
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.005.995	-
Chi phí khác	217.671.455	208.788.683
Cộng	733.069.091	601.319.056

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	8.781.684.456	10.683.795.969
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.329.265.933	1.561.892.643
Chi phí đồ dùng văn phòng	771.820.405	174.999.789
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.271.278.927	1.380.842.576
Thuế, phí và lệ phí	203.464.546	282.968.080
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.384.217.241	2.280.012.277
Chi phí khác	6.535.793.183	8.619.851.105
Cộng	22.277.524.691	24.984.362.439

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Các khoản nợ không xác định được chủ	1.003.346.459	1.556.421.160
Thu nhập khác	271.401.134	35.250.809
Cộng	1.274.747.593	1.591.671.969

A102
CÔ
ÁCH NH
KIỂM
TƯ
TP.HCM

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo qui định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 về “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VII.5 đến VII.8 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên chủ chốt trong năm là 1.219.099.091 VND (số năm trước là 1.347.877.000 VND).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam

Công ty cổ phần dịch vụ trợ giúp thương mại Khang An

Mối quan hệ

Cổ đông đại diện vốn Nhà nước

Công ty con

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam		
Tiền thuê đất	600.000.000	-
Công ty cổ phần dịch vụ trợ giúp thương mại Khang An		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	755.705.140	822.806.160
Tiền vay nhận được	1.500.000.000	-
Lãi vay	46.232.877	-
Cổ tức phải thu	1.038.453.381	476.185.561

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Công ty cổ phần dịch vụ trợ giúp thương mại Khang An</i>		
Phải thu cố túc	1.038.453.381	476.185.561
Phải thu tiền hàng, dịch vụ	22.852.610	86.000.000
Công nợ phải thu	1.061.305.991	562.185.561

Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam

Phải trả tiền mua thiết bị	1.622.492.385	1.609.073.072
Phải trả tiền thuê đất	300.000.000	-
Công nợ phải trả	1.922.492.385	1.609.073.072

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Bắc, khu vực miền Trung và khu vực miền Nam.

Thông tin về bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty được thể hiện ở Phụ lục 02 đính kèm từ trang 35 đến trang 37.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là công trình viễn thông.

4. Thuê hoạt động

Công ty còn phải nộp tiền thuê đất hàng năm cho diện tích 19.364,30m² đất đang sử dụng tại số 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh. Đơn giá tiền thuê đất hàng năm được thực hiện theo thông báo của Chi cục thuế quận 10.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.573.474.204	3.775.810.026	5.573.474.204	3.775.810.026
Phải thu khách hàng	45.255.579.939	56.542.117.151	45.255.579.939	56.542.117.151
Các khoản phải thu khác	6.625.286.069	8.613.557.192	6.625.286.069	8.613.557.192
Công	57.454.340.212	68.931.484.369	57.454.340.212	68.931.484.369
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	5.611.577.457	9.111.886.982	5.611.577.457	9.111.886.982
Phải trả cho người bán	5.268.795.343	3.990.225.197	5.268.795.343	3.990.225.197
Phải trả người lao động	130.161.184	2.715.471.201	130.161.184	2.715.471.201
Chi phí phải trả	1.041.979.917	7.754.524.314	1.041.979.917	7.754.524.314
Các khoản phải trả khác	15.812.619.229	13.018.696.888	15.812.619.229	13.018.696.888
Công	27.865.133.130	36.590.804.582	27.865.133.130	36.590.804.582

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Số cuối năm	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Công
Vay và nợ	5.611.577.457	-	-	5.611.577.457
Phải trả cho người bán	5.268.795.343	-	-	5.268.795.343
Phải trả người lao động	130.161.184	-	-	130.161.184
Chi phí phải trả	1.041.979.917	-	-	1.041.979.917
Các khoản phải trả khác	15.746.173.179	66.446.050	-	15.812.619.229
Cộng	27.798.687.080	66.446.050	-	27.865.133.130



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số đầu năm				
Vay và nợ	9.111.886.982	-	-	9.111.886.982
Phải trả cho người bán	3.990.225.197	-	-	3.990.225.197
Phải trả người lao động	2.715.471.201	-	-	2.715.471.201
Chi phí phải trả	7.754.524.314	-	-	7.754.524.314
Các khoản phải trả khác	<u>12.945.400.888</u>	<u>73.296.000</u>	<u>-</u>	<u>13.018.696.888</u>
Cộng	<u>36.517.508.582</u>	<u>73.296.000</u>	<u>-</u>	<u>36.590.804.582</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp: Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện chủ yếu bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

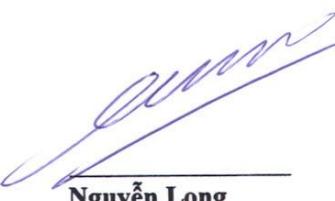
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2012


Đoàn Thị Triệu Phước
Người lập biểu


Nguyễn Long
Kế toán trưởng




Lương Ngọc Hương
Tổng Giám đốc

ÁCH
KIỂ
//

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Còn
29.960.100.000	9.980.050.000	6.190.118.639	1.114.494.196	19.229.003	5.637.614.296	52.901.606.134
Số dư đầu năm trước	-	-	-	-	7.822.953.733	7.822.953.733
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(2.387.654.167)	(2.387.654.167)
Chia cổ tức năm 2009	-	-	-	-	(2.817.960.129)	(1.269.000.000)
Trích lập các quỹ trong năm	-	1.176.742.123	372.218.006	-	(432.000.000)	(432.000.000)
Thủ lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	29.960.100.000	9.980.050.000	7.366.860.762	1.486.712.202	19.229.003	56.635.905.700
Số dư đầu năm nay	29.960.100.000	9.980.050.000	7.366.860.762	1.486.712.202	19.229.003	56.635.905.700
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.578.829.148	1.578.829.148
Trích lập các quỹ trong năm	-	1.307.406.046	391.147.687	-	(3.148.553.733)	(1.450.000.000)
Chia cổ tức năm 2010	-	-	-	-	(4.194.400.000)	(4.194.400.000)
Thủ lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(480.000.000)	(480.000.000)
Số dư cuối năm nay	29.960.100.000	9.980.050.000	8.674.266.808	1.877.859.889	19.229.003	52.090.334.848

Địa chỉ: 10/100, C.I.C.P
Số Kế toán: 001
TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2012



Lương Ngọc Hương
Tổng Giám đốc

Nguyễn Long
Kế toán trưởng

Đoàn Thị Triệu Phước
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo khu vực địa lý

Đơn vị tính: VND

Kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý:

Năm nay	Miền Nam	Miền Trung	Miền Bắc	Công
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	37.534.954.697	6.079.005.320	38.463.193.998	82.077.154.015
<i>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>37.534.954.697</i>	<i>6.079.005.320</i>	<i>38.463.193.998</i>	<i>82.077.154.015</i>
Chi phí bộ phận	40.575.436.455	5.498.183.978	35.521.000.243	81.594.620.676
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(3.040.481.758)	580.821.342	2.942.193.755	482.533.339
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.388.837.296	25.006.036	176.880.988	482.533.339
Doanh thu hoạt động tài chính	(1.390.006.584)	-	(91.430.938)	1.590.724.320
Chi phí tài chính	1.274.747.593	-	-	(1.481.437.522)
Thu nhập khác	(66.607.001)	(500)	(12.757.322)	1.274.747.593
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	(79.364.823)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	(208.373.759)
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>1.128.255.553</i>	<i>166.129.614</i>	<i>2.046.975.634</i>	<i>1.683.771.553</i>
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<i>2.281.592.563</i>	<i>2.046.975.634</i>	<i>4.494.697.831</i>	
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<i>2.281.592.563</i>	<i>2.046.975.634</i>	<i>4.494.697.831</i>	
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	

1744
HÓA ĐƠN
VĂN MÃ HỮU
G T Y
OÁN 1
01/01/2012

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thương Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TẠI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo khu vực địa lý (tiếp theo)

Năm trước	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	77.916.373.811	3.580.709.051	31.916.146.592	113.413.229.454
<i>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>77.916.373.811</i>	<i>3.580.709.051</i>	<i>31.916.146.592</i>	<i>113.413.229.454</i>	
Chi phí bộ phận	72.093.529.150	3.287.703.462	29.440.565.656	104.821.798.268	
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	5.822.844.661	293.005.589	2.475.580.936	8.591.431.186	
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				8.591.431.186	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	683.028.448	14.042.886	890.687.148	1.587.758.482	
Doanh thu hoạt động tài chính	(928.439.304)	-	(226.573.380)	(1.155.012.684)	
Chi phí tài chính	1.591.671.969	-	-	1.591.671.969	
Thu nhập khác	(306.364.680)	-	(25.941.147)	(332.305.827)	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	(2.063.628.459)	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	(396.960.934)	
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>7.822.953.733</i>	<i>7.822.953.733</i>	<i>7.822.953.733</i>	<i>7.822.953.733</i>	
<i>Tổng chi phí đầu phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<i>1.281.419.827</i>	<i>927.957.632</i>	<i>1.030.059.091</i>	<i>3.239.436.550</i>	
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<i>2.799.667.418</i>	<i>92.144.679</i>	<i>1.635.922.355</i>	<i>4.527.734.452</i>	
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>					



TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2012

Đoàn Thị Triệu Phước
Người lập biểu

Nguyễn Long
Kế toán trưởng

Lương Ngọc Hương
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TIN HỌC ĐIỆN TỬ

Địa chỉ: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo khu vực địa lý (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND			
	Miền Nam	Miền Trung	Miền Bắc
Số cuối năm			Công
Tài sản trực tiếp của bộ phận	63.301.476.883	2.359.549.388	18.532.746.965
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-
Tổng tài sản			84.193.773.236
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	16.211.142.035	2.359.549.388	13.532.746.965
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-
Tổng nợ phải trả			32.103.438.388
Số đầu năm	68.557.537.373	2.745.574.816	28.490.761.159
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	-
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-
Tổng tài sản			99.793.873.348
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	33.697.486.274	2.438.526.341	7.021.955.033
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-
Tổng nợ phải trả			43.157.967.648

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2012



Đoàn Thị Triệu Phước
Người lập biểu

Nguyễn Long Huy
Kế toán trưởng

Lương Ngọc Hương
Tổng Giám đốc